

+ Ông **Trương Văn C**, chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất **thành phố B**; có mặt.

+ **Võ Quang H**, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất **thành phố B**; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người kháng cáo*: người bị kiện **Ủy ban nhân dân T**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/11/2023 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là bà Hồ Thị T trình bày:

Ngày 30/12/2022, **UBND thành phố B** ban hành Quyết định số: 11166/QĐ-UBND, thu hồi 481m² đất, trong đó có 300m² đất ở, thuộc thửa đất số 191, tờ bản đồ số 53 (nay là thửa đất số 23, mảnh trích đo địa chính số 04-2020) tại **phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** của gia đình bà, để thực hiện dự án **Đường G, đoạn từ đường N đến bùng binh km5, Quốc lộ B, thành phố B**. Cùng ngày, **UBND thành phố B** ban hành Quyết định số: 11155/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, khi Nhà nước thu hồi đất, để thực hiện dự án nêu trên. Cùng ngày, **UBND thành phố B** ban hành Quyết định số: 11180/QĐ-UBND về việc giao cho gia đình bà 02 thửa đất tái định cư, là thửa đất số 462, tờ bản đồ số 77, diện tích 120m² và thửa đất số 360, tờ bản đồ số 01, diện tích 115,52m²; tổng diện tích 02 thửa đất tái định cư, gia đình bà được giao là 235,52m², trong khi **UBND thành phố B**, thu hồi diện tích đất ở của gia đình bà là 300m². Diện tích đất ở còn lại mà gia đình bà chưa được giao đất tái định cư là 64,48m², lớn hơn 50% diện tích 01 thửa đất tái định cư.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 4 Quyết định số: 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ**, thì gia đình bà được giao thêm một thửa đất tái định cư. Ngày 01/8/2023, bà làm đơn đề nghị **UBND thành phố B**, giao thêm cho gia đình bà 01 thửa đất tái định cư nhưng không được chấp nhận. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc **UBND thành phố B**, giao thêm cho gia đình bà 01 thửa đất tái định cư theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham giải quyết vụ án, người bị kiện là UBND thành phố B trình bày:

Ngày 30/12/2022, **UBND thành phố B** ban hành Quyết định số: 11166/QĐ-UBND thu hồi 481m² đất, trong đó có 300m² đất ở, thuộc thửa đất số 191, tờ bản đồ số 53 (nay là thửa đất số 23, mảnh trích đo địa chính số 04-2020) tại **phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** của gia đình bà **Hồ Thị T**, để thực hiện dự án **Đường G, đoạn từ đường N đến bùng binh km5, Quốc lộ B, thành phố B**. Tại thời điểm thu hồi đất, ông **Phan Gia H1** là chồng bà **T** đã chết. Bà **T** cùng với con trai là **Phan Văn H2**, con dâu là **Nguyễn Thị T3** và 02 người cháu nội, cùng chung sống trên thửa đất bị thu hồi. Cùng ngày **UBND thành phố B**, ban hành Quyết định số: 11180/QĐ-UBND về việc giao cho gia đình bà 02 thửa đất tái định cư, là thửa đất số 462, tờ bản đồ số 77, diện tích 120m² và thửa đất số 360, tờ bản đồ số 01, diện tích 115,52m², là đúng với quy định của nhà nước, đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của bà **T**.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 95/2024/HC-ST ngày 12/6/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; điểm d khoản 1 Điều 4 Quyết định số: 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ;

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Hồ Thị T**.

1. Tuyên bố hành vi của UBND thành phố B, không giao thêm cho hộ gia đình bà **Hồ Thị T** 01 thửa đất tái định cư là trái pháp luật.

2. Buộc UBND thành phố B, phải ban hành Quyết định giao thêm cho hộ gia đình bà **Hồ Thị T** 01 thửa đất tái định cư, theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25/6/2024, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án hành chính sơ thẩm theo hướng không buộc UBND thành phố B giao thêm 01 thửa đất tái định cư cho gia đình bà **Hồ Thị T** khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng đường G, đoạn từ Nguyễn Chí T4 đến bùng binh km5, quốc lộ A, thành phố B (đợt 12).

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ngày 25/6/2024, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B kháng cáo bản án sơ thẩm, Đơn kháng cáo của người bị kiện là trong thời hạn quy định tại Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính, do đó được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B giữ nguyên nội dung kháng cáo;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của người bị kiện:

[2.1]. Về tố tụng:

Cùng ngày 30/12/2022, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành các quyết định hành chính: Quyết định số 11155/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Đường G đoạn từ Nguyễn Chí T4 đến bùng binh K, Quốc lộ B, thành phố B (đợt 12); Quyết định số 11166/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà **Hồ Thị T** và những người thừa kế của hộ ông **Phan Gia H1** để thực hiện dự án: Đường G đoạn từ Nguyễn Chí T4 đến bùng binh K, Quốc lộ B, thành phố B (đợt 12) và Quyết định số 11180/QĐ-UBND về việc giao đất cho bà **Hồ Thị T** và những người kế thừa của ông **Phan Gia H1**. Theo đó, tại Quyết định số 11180, UBND thành phố B giao cho hộ bà **T** 02 thửa đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất. Không đồng ý với nội dung này, bà **Hồ Thị T** khởi kiện đề nghị buộc UBND thành phố B phải giao thêm 01 lô đất tái định cư cho gia đình bà theo quy định của pháp luật. Đây là hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 và khoản 1 Điều 30 của Luật Tổ tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện trong thời hạn được quy định tại khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2.2]. Về nội dung: xét kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 04/12/2008, hộ bà Hồ Thị T được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 191 tờ bản đồ số 53 (nay là thửa đất số 23, mảnh trích đo địa chính số 04-2020, bút lục số 17) diện tích 1.450,3m², trong đó có 300m² đất ở và 1.150,3m² đất trồng cây hàng năm khác tại phường T, thành phố B.

Trong quá trình thực hiện dự án Đường G đoạn từ Nguyễn Chí T4 đến bùng binh K, Quốc lộ B, thành phố B (đợt 12), hộ bà Hồ Thị T có đất nằm trong phạm vi bị thu hồi để thực hiện Dự án. Ngày 30/12/2022, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 11166/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Hồ Thị T và những người thừa kế của ông Phan Gia H1 để thực hiện dự án: Đường G đoạn từ Nguyễn Chí T4 đến bùng binh K, Quốc lộ B, thành phố B (đợt 12) với diện tích thu hồi là 481m², trong đó 300m² đất ở, 181m² đất trồng cây hàng năm thuộc thửa đất số 23 nêu trên. Để có căn cứ bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, cơ quan có thẩm quyền đã tiến hành xác minh và xác định hộ bà Hồ Thị T bị thu hồi hết đất ở, phải di chuyển chỗ ở và không còn đất ở nào khác trên địa bàn xã H, thành phố B nên đủ điều kiện được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Do đó, ngày 30/12/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 11180/QĐ-UBND về việc giao đất cho bà Hồ Thị T và những người kế thừa của ông Phan Gia H1, giao cho gia đình bà T 02 thửa đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất, là thửa đất số 462, tờ bản đồ số 77, diện tích 120m² và thửa đất số 360, tờ bản đồ số 01, diện tích 115,52m².

Hội đồng xét xử thấy rằng: Quyết định số 11155/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Đường G đoạn từ Nguyễn Chí T4 đến bùng binh K, Quốc lộ B, thành phố B (đợt 12) được ban hành vào ngày 30/12/2022, thời điểm này Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đang có hiệu lực thi hành. Đồng thời, Quyết định số 11155 và Bảng tính chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đều căn cứ Quyết định số 14 để bồi thường cho hộ bà T. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố B phải căn cứ vào Quyết định số 14 này để giao đất tái định cư cho người dân có đất bị thu hồi.

Tại điểm d khoản 1 Điều 4 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ quy định: “Trường hợp có chênh lệch giữa diện tích thu hồi với số thửa tái định cư nhân (x) diện tích 01 (một) thửa tái định cư thì thực hiện theo nguyên

tất diện tích còn lại lớn hơn 50% diện tích một thửa thì tính thêm 01 (một) thửa, nhỏ hơn hoặc bằng 50% diện tích một thửa thì không được tính thêm”.

Đối với hộ bà **Hồ Thị T**, 115,52m² là diện tích tối thiểu 01 thửa đất tái định cư, diện tích tối đa 01 thửa đất tái định cư là 120m², đây là phương án bồi thường mà **UBND thành phố B** đã phê duyệt tại Quyết định số 11155 ngày 30/12/2022. Tổng diện tích 02 thửa đất tái định cư mà gia đình bà **T** được giao là 235,52m². Như vậy, diện tích đất ở còn lại bị thu hồi mà gia đình bà **T** chưa được giao đất tái định cư là 64,48m² (300m² - 235,52m²), lớn hơn 50% diện tích 01 thửa đất tái định cư nên hộ bà **Hồ Thị T** đủ điều kiện để được giao thêm 01 lô đất tái định cư theo quy định đã được viện dẫn trên.

[3]. Từ các nhận định tại mục [2] nêu trên của bản án, Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc **Ủy ban nhân dân thành phố B** phải giao thêm 01 lô đất tái định cư cho người khởi kiện là phù hợp, đúng quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của người bị kiện **Ủy ban nhân dân thành phố B** và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên **Ủy ban nhân dân thành phố B** phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của người bị kiện **Ủy ban nhân dân thành phố B**. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 95/2024/HC-ST ngày 12/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; điểm d khoản 1 Điều 4 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ**;

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Hồ Thị T**.

- Tuyên bố hành vi của **UBND thành phố B** không giao thêm cho hộ gia đình bà **Hồ Thị T** 01 thửa đất tái định cư là trái pháp luật.

- Buộc **UBND thành phố B** phải ban hành Quyết định giao thêm cho hộ gia đình bà **Hồ Thị T** 01 thửa đất tái định cư theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí phúc thẩm: căn cứ khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; áp dụng khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Người bị kiện **Ủy ban nhân dân thành phố B** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0012941 ngày 04/7/2024

của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Ủy ban nhân dân thành phố B đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

4. Quyết định của bản án sơ thẩm về phần án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Kiên